PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Biểu: 13/BCT, BCH và Biểu 8/BCX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TỬ VONG TỪ CỘNG ĐỒNG

Báo cáo 3, 6, 9 và 12 tháng

Mã VN	Tên bệnh	Mã ICD 10	Tổng số tử vong	Trong đó Nữ	Chia theo độ tuổi																								TV mẹ
					Từ 0 - <28 ngày tuổi		từ 28 ngày tuổi - <1 tuổi		Từ 1-<5 tuổi		Từ 5- <10 tuổi		Từ 10- <15 tuổi		Từ 15- <20 tuổi		Từ 20- <30 tuổi		Từ 30- <40 tuổi		Từ 40- <50 tuổi		Từ 50-<60 tuổi		Từ 60-<70 tuổi		≥70 tuổi		
					Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
	...																												
	IV. Khác																												
79	Suy yếu do tuổi già (tự nhiên)	R54																											
80	Không rõ nguyên nhân tử vong	R95-R99																											
81	COVID-19	U07.1																											

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày /02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Biểu: 14 /BCT và BCH

TÌNH HÌNH BỆNH TẬT VÀ TỬ VONG TẠI BỆNH VIỆN THEO ICD 10

Báo cáo 3, 6, 9, 12 tháng

TT	Tên bệnh/ nhóm bệnh	Mã ICD 10	Tại khoa khám bệnh						Điều trị nội trú										Số trường hợp tử vong được cấp giấy báo tử
									Tổng số						Trong đó TE<15 tuổi				
									Mắc		BN nặng xin về		Số tử vong		Mắc		Số tử vong		
			Tổng số	Trong đó															
				Nữ	TE <15	BN nặng xin về	Tử vong trước viện	Tử vong tại viện	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	Nữ	TS	<5 tuổi	TS	<5 tuổi	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	...																		
C21	**Chương XXII: Mã dành cho những mục đích đặc biệt - Chapter XXII:Codes for special purposes**																		
313	COVID-19 ** U07.1 là bệnh nhân COVID-19 có kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 dương tính cập nhật theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế.*	U07.1																	